

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT SỐ 02  
CHI NHÁNH PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC KIẾN XƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ TÁI ĐỊNH CƯ (LẦN 2 - ĐẤT HNK)  
Dự án: Nâng cấp, cải tạo tuyến đường ĐH.16 huyện Kiến Xương (Đoạn từ ngã 3 chợ Đắc xã Vũ Lễ đến đường 219 xã Quang Lịch)  
Địa điểm: xã Quang Lịch, tỉnh Hưng Yên

- \* Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- \* Căn cứ Nghị quyết số 812/2023/NQ-HĐND ngày 23/12/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên;
- \* Căn cứ Quyết định số 01/2026/QĐ-UBND ngày 16/01/2026 của UBND tỉnh Hưng Yên;
- \* Căn cứ biên bản kiểm đếm đất đai và tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất.

Xác định:

- \* Bồi thường diện tích đất trồng cây hàng năm là 75.000đồng/1m<sup>2</sup>;
  - \* Hỗ trợ chuyển nghề đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm là 225.000đồng/1m<sup>2</sup>
  - \* Giá gạo hỗ trợ ổn định đời sống theo văn bản số 1657/SSNNMT-KHTC ngày 17/9/2025 đơn giá là 17.000đồng/kg
- Cụ thể:

| STT | Thửa đất | Loại đất | Họ Và Tên                                                                                                        | Diện tích thu hồi theo quy hoạch | Đất ảnh hưởng | Nguồn gốc thửa đất                           | Địa chỉ thửa đất  | Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2) | Tiền Bồi thường, hỗ trợ về đất |                                                             |                         |                 |                          |                   |           | Cơ chế thường | Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) |
|-----|----------|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------|----------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------|-----------------|--------------------------|-------------------|-----------|---------------|-------------------------------------|
|     |          |          |                                                                                                                  |                                  |               |                                              |                   |                                  | Bồi thường về đất (đồng)       | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống |                 |                          |                   |           |               |                                     |
|     |          |          |                                                                                                                  |                                  |               |                                              |                   |                                  |                                |                                                             | Tỷ lệ thu hồi (%)       | Số tháng hỗ trợ | Số nhân khẩu được hỗ trợ | Thành tiền (đồng) |           |               |                                     |
| 1   | 152      | HNK      | Đỗ Văn Sơn, Trần Thị Minh                                                                                        | 132,8                            | 43,0          | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 3.122,1                          | 13.185.000                     | 39.555.000                                                  | 5,6                     | 2               | 5                        | 5.100.000         | 3.984.000 | 61.824.000    |                                     |
| 2   | 150      | HNK      | Lê Thanh Bình, Nguyễn Thị Chin                                                                                   | 105,8                            | 48,9          | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 1.883,1                          | 11.603.000                     | 34.808.000                                                  | 8,2                     | 2               | 4                        | 4.080.000         | 3.174.000 | 53.665.000    |                                     |
| 3   | 153      | HNK      | Trần Xuân Thanh, Lê Thị Nu                                                                                       | 137,3                            | 41,9          | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 2.468,4                          | 13.440.000                     | 40.320.000                                                  | 7,3                     | 2               | 4                        | 4.080.000         | 4.119.000 | 61.959.000    |                                     |
| 4   | 154      | HNK      | D. D những người thừa kế hợp pháp theo pháp luật của ông Lê Văn Tuyển, bà Hoàng Thị Nhâm (đã chết)<br>Lê Thị Lua | 92,8                             | 32,4          | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 2.347,2                          | 9.390.000                      | 28.170.000                                                  | 5,3                     | 2               | 2                        | 2.040.000         | 2.784.000 | 42.384.000    |                                     |

| STT       | Thửa đất        | Loại đất | Họ Và Tên                                                                                        | Diện tích thu hồi theo quy hoạch | Đất ảnh hưởng | Nguồn gốc thửa đất                           | Địa chỉ thửa đất  | Tổng DT đất NN đang sử dụng (m2) | Tiền Bồi thường, hỗ trợ về đất |                                                             |                         |             |                          |                   |            | Cơ chế thưởng | Tổng tiền bồi thường, hỗ trợ (đồng) |
|-----------|-----------------|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|---------------|----------------------------------------------|-------------------|----------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------|--------------------------|-------------------|------------|---------------|-------------------------------------|
|           |                 |          |                                                                                                  |                                  |               |                                              |                   |                                  | Bồi thường về đất (đồng)       | Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (đồng) | Hỗ trợ ổn định đời sống |             |                          |                   |            |               |                                     |
|           |                 |          |                                                                                                  |                                  |               |                                              |                   |                                  |                                |                                                             | Tỷ lệ thu hồi (%)       | Số thửa hồi | Số nhân khẩu được hỗ trợ | Thành tiền (đồng) |            |               |                                     |
|           |                 |          |                                                                                                  |                                  |               |                                              |                   |                                  |                                |                                                             |                         |             |                          |                   |            |               |                                     |
| 5         | 151             | HNK      | D. D những người thừa kế hợp pháp theo pháp luật của bà Nguyễn Thị Dươn (đã chết)<br>Lê Thị Hằng | 134,1                            | 45,2          | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 2.337,7                          | 13.448.000                     | 40.343.000                                                  | 7,7                     | 2           | 2                        | 2.040.000         | 4.023.000  | 59.854.000    |                                     |
| 6         | 158             | HNK      | Phạm Ngọc Bắc,<br>Nguyễn Thị Thoa                                                                | 13,7                             | 35,5          | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 1.638,0                          | 3.690.000                      | 11.070.000                                                  | 3,0                     | 2           | 3                        | 3.060.000         | 411.000    | 18.231.000    |                                     |
| 7         | 148             | HNK      | Trần Văn Chiến,<br>Đỗ Thị Sâm                                                                    | 27,0                             |               | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 2.191,9                          | 2.025.000                      | 6.075.000                                                   | 1,2                     | 2           | 4                        | 4.080.000         | 810.000    | 12.990.000    |                                     |
| 8         | 149             | HNK      | Đỗ Hồng Thái,<br>Phạm Thị Lộc                                                                    | 150,9                            |               | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 2.929,2                          | 11.318.000                     | 33.953.000                                                  | 5,2                     | 2           | 5                        | 5.100.000         | 4.527.000  | 54.898.000    |                                     |
| 9         | 160             | HNK      | Nguyễn Thị Thảo,<br>Vũ Văn Thành                                                                 | 20,6                             |               | Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất | Thôn Luật Nội Tây | 1.164,0                          | 1.545.000                      | 4.635.000                                                   | 1,8                     | 2           | 4                        | 4.080.000         | 618.000    | 10.878.000    |                                     |
| 10        | 157+159+160+161 | HNK      | UBND xã                                                                                          | 57,2                             |               |                                              | Thôn Luật Nội Tây | -                                | 4.290.000                      |                                                             |                         |             |                          |                   |            | 4.290.000     |                                     |
| Tổng cộng |                 |          |                                                                                                  | 872,2                            | 246,9         |                                              |                   |                                  | 83.934.000                     | 238.929.000                                                 |                         |             |                          | 33.660.000        | 24.450.000 | 380.973.000   |                                     |